

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 19/2018/HNGĐ-PT

Ngày 18-10-2018

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Minh Phương

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Minh Hạnh

Ông Lương Ngọc Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2945/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3134/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Số 107 C, phường D, quận A, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 23A đường E, Phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị Lệ I, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Số 179/44 K, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 107 C, phường D, quận A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Trương Thị Lệ I là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 17/11/2017; bản tự khai ngày 03/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn anh Phạm Ngọc B trình bày: Anh B và chị I kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D ngày 31/5/2006. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và hay cãi nhau. Nguyên nhân chính là do tính cách hai bên khác biệt nhau, bất đồng quan điểm sống và không có tình cảm với nhau. Khoảng 05 năm nay, anh B vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, làm việc và hai bên cũng sống ly thân từ đó. Gia đình người thân đã khuyên răn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B có yêu cầu được ly hôn với chị I.

Về quan hệ nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh B và chị I có hai con chung là Phạm Kiều M, sinh ngày 30/10/2006 và Phạm Anh N, sinh ngày 19/8/2011. Ly hôn, anh B có nguyện vọng được nuôi con chung Phạm Anh N; đồng ý để chị I nuôi con chung Phạm Kiều M và các bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung: Anh B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm chị I trình bày: Chị I thừa nhận quan hệ hôn nhân được xác lập như anh B trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn. Từ năm 2014 cho đến nay, anh B vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về thăm chị I và các con. Tết Nguyên Đán vừa rồi, anh B có về ăn Tết, chị I nghĩ anh B đã nghỉ lại nhưng sau đó lại vào Thành phố Hồ Chí Minh; đến tháng 03/2018 anh B về đưa cháu N vào Thành phố Hồ Chí Minh sống cùng anh B. Nay anh B có yêu cầu ly hôn, chị I không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với anh B. Quá trình chung sống chị I và anh B có hai con chung như anh B trình bày. Nếu ly hôn, nguyện vọng của chị I là được nuôi cả hai con chung vì các con chung được chị I chăm sóc từ nhỏ. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung, chị I đề nghị anh B trả lại chị I số tiền 643.000.000 đồng đã mua chiếc xe ô tô 07 chỗ. Anh B nói với chị I là đã bán.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 12/6/2018, Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc B được ly hôn chị Trương Thị Lệ I. Về con chung: Giao con chung Phạm Kiều M, sinh ngày 30/10/2006 cho chị I và giao con chung Phạm Anh N, sinh ngày 19/8/2011 cho anh B nuôi dưỡng cho đến

khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và nghĩa vụ thăm nom con; về án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/6/2018, chị I kháng cáo toàn bộ nội dung bản án đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bác yêu cầu xin ly hôn của anh B vì thực tế quá trình chung sống giữa chị I và anh B chưa từng xảy ra mâu thuẫn và ly thân như anh B trình bày. Đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy các con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn anh B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên tại văn bản ngày 06/9/2018 tại giai đoạn phúc thẩm, anh B trình bày: Quá trình chung sống chỉ hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Thời gian đầu là những mâu thuẫn nhỏ, sau đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do không muốn con cái phải chứng kiến việc bố mẹ mâu thuẫn nên năm 2013 anh B đã vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm ăn, cũng là để cả hai bên có thời gian, cơ hội thay đổi bản thân, khắc phục mâu thuẫn nhưng không cải thiện được mối quan hệ vợ chồng. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh B và chị I không có sự thống nhất trong cuộc sống cũng như cách nuôi dạy con cái. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng khắc phục, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay nên đề nghị Tòa án cho anh B được ly hôn với chị I. Sau khi Tòa án nhân dân quận A, Hải Phòng xét xử sơ thẩm, tháng 6 năm 2018 anh B đã đón con chung là Phạm Anh N vào sinh sống cùng Anh B tại Thành phố Hồ Chí Minh và hiện cháu Anh Mỹ đang học tại trường tiểu học O, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên vọng của anh B được trực tiếp nuôi cháu N vì nếu để chị I nuôi con, anh B không yên tâm vì chị I thường cho cháu N đi tiệc tùng, quán bar, vũ trường. Cháu N là con trai và cũng có nguyện vọng được ở với anh B nên anh B chăm sóc, nuôi dạy cháu sẽ phù hợp hơn, vì vậy đề nghị Tòa án giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc nuôi con chung.

Bị đơn chị I giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận. Khoảng 04 đến 05 năm nay, anh B có trao đổi với chị I vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và quan hệ vợ chồng vẫn bình thường. Đến cuối năm 2017, quan hệ vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B có không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác và đề nghị ly hôn với chị I với lý do vợ chồng không hợp nhau. Nay anh B có yêu cầu ly hôn, chị I không đồng ý vì giữa vợ chồng chỉ có xích mích nhỏ trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và vẫn còn khả năng khắc phục. Nếu ly hôn, chị I muốn được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con

chung. Về tài sản chung, chị I đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, không có ý kiến gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Mâu thuẫn giữa anh B và chị I đã sâu sắc, không còn khả năng khắc phục nên Tòa án sơ thẩm đã căn cứ Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh B được ly hôn với chị I là có căn cứ. Con chung Phạm Kiều M hiện là con gái đang ở độ tuổi có nhiều thay đổi về tâm sinh lý và con chung Phạm Anh N hiện đang học tập và sinh sống ổn định cùng với anh B tại Thành phố Hồ Chí Minh do vậy quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở và phù hợp với thực tế nên căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự cần bác kháng cáo của bị đơn - chị I, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là về ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền của Tòa dân sự phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị I kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận A, thành phố Hải Phòng năm 2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh B và chị I thời gian đầu hòa thuận. Khoảng 4-5 năm nay anh B vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, làm ăn. Khoảng 02 năm đầu kể từ khi anh B vào Thành phố Hồ Chí Minh, quan hệ vợ chồng bình thường. Tuy nhiên, khoảng vài năm trở lại đây, quan hệ giữa anh B và chị I phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm vào dịp Tết Nguyên Đán năm 2018. Gia đình anh B đã khuyên răn nhưng không có kết quả. Nguyên nhân chính là do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do các bên không còn lòng tin đối với nhau. Mặt khác, việc hai bên sinh sống xa nhau cũng là điều khó khăn trong việc hàn gắn gia đình. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị I phù hợp với tình trạng thực tế gia đình, mối quan hệ giữa hai bên và phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho anh B được ly hôn với chị I là có căn cứ.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Anh B và chị I xác nhận có 02 con chung là Phạm Kiều M, sinh ngày 30/10/2006 và Phạm Anh N, sinh ngày 19/8/2011. Ly hôn, cả anh B và chị I đều có nguyện vọng được nuôi cháu N. Xét thấy, cả anh B và chị I đều có khả năng và điều kiện nuôi con chung, nếu giao cả hai con chung cho một người nuôi dưỡng sẽ là khó khăn cho người đó và không đảm bảo được điều kiện tốt nhất cho con chung. Hiện tại, cháu N đang ở cùng anh B, đang học và có cuộc sống ổn định tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cháu N cũng có nguyện vọng được ở với anh B. Cháu Kiều Anh đang học và cuộc sống ổn định cùng với chị I. Do vậy, để ổn định cuộc sống của các con chung và xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh B trực tiếp nuôi cháu N; chị I trực tiếp nuôi cháu Kiều Anh là phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi bên và phù hợp với việc giáo dục tâm sinh lý các con và phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình anh B và chị I nuôi con chung mà không đảm bảo quyền và lợi ích của con chung được họ trực tiếp nuôi dưỡng thì người kia có quyền xin thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy anh B và chị I mỗi người nuôi một con chung, các bên không có yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Anh B và chị I đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng; các bên không được cản trở nhau thực hiện quyền này. Anh B và chị I không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con - Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về quan hệ tài sản: Anh B và chị I đều không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng bản án sơ thẩm đã quyết định về quan hệ hôn nhân; quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung là có căn cứ và phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên không chấp nhận kháng cáo của chị I; giữ nguyên bản án sơ thẩm - khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về án phí:

[8] Về án phí sơ thẩm: Anh B phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật - khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

[9] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị I không được chấp nhận nên chị I phải nộp án phí ly hôn phúc thẩm - khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn - chị Trương Thị Lệ I.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc B được ly hôn với chị Trương Thị Lệ I.

2. Về quan hệ nuôi con chung:

Giao con chung là Phạm Kiều M, sinh ngày 30/10/2006 cho chị Trương Thị Lệ I trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao con chung là Phạm Anh N, sinh ngày 19/8/2011 cho anh Phạm Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Ngọc B và chị Trương Thị Lệ I đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng; các bên không được cản trở nhau thực hiện quyền này. Anh Phạm Ngọc B và chị Trương Thị Lệ I không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Phạm Ngọc B và chị Trương Thị Lệ I không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Ngọc B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Anh Phạm Ngọc B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 7605 ngày 22-11-2017 của Chi cục T hi hành án dân sự quận A, thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Ngọc B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Chị Trương Thị Lệ I phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên

lai thu số 7889 ngày 04-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, thành phố Hải Phòng. Chị Trương Thị Lệ I đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận A;
- Chi cục THADS quận A;
- UBND phường D, quận A;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Phương**